

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hết
- Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lục Thị H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. *(Xin vắng mặt)*

2/ Bị đơn: Anh Trương Văn Tuấn E, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lục Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Văn Tuấn E tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/9/2017 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình thiếu hụt nên vợ chồng hay cãi vã, từ đó đến nay chị và anh Tuấn E sống ly thân. Nay

chị nhận thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh Tuấn E nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tuấn E.

Về con chung: Chị và anh Tuấn E có hai con chung họ tên là Trương Minh Hiếu, sinh ngày 04/5/2015 và Trương Bảo Ngọc, sinh ngày 28/8/2019. Hiện nay, cháu Hiếu đang sống chung với anh Tuấn E, cháu Ngọc đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu cháu Hiếu giao cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng, cháu Ngọc giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn Tuấn E vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 31/5/2024 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị H do không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là:

- Trương Minh Hiếu, sinh ngày 04/5/2015, đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Hiếu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Trương Bảo Ngọc, sinh ngày 28/8/2019, đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh đồng ý cháu Ngọc giao cho chị H trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xE xét áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lục Thị H, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Lục Thị H và anh Trương Văn Tuấn E thuận tình ly hôn; Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Tuấn E được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trương Minh Hiếu, chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu; chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trương Bảo Ngọc, anh Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bảo Ngọc; Tài sản chung: Không có nên không xE xét giải quyết; Nợ chung: Không có nên không xE xét giải quyết; Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Các đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị H xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trương Văn Tuấn E có nơi cư trú tại ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H và anh Tuấn E có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Tuấn E.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lục Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh Tuấn E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hà, huyện Bà Đăng, tỉnh Bình Phước và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị H và anh Tuấn E phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H xác định là do giữa vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình thiếu hụt dẫn đến vợ chồng hay cãi vã. Anh Tuấn E cũng đồng ý ly hôn với chị H vì giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh Tuấn E đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị H và anh Tuấn E thuận tình ly hôn.

[5] Xét về con chung: Chị H và anh Tuấn E có hai con chung họ tên là Trương Minh Hiếu, sinh ngày 04/5/2015 và Trương Bảo Ngọc, sinh ngày 28/8/2019. Hiện nay, cháu Hiếu đang sống chung với anh Tuấn E, cháu Ngọc đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu cháu Hiếu giao cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng, cháu Ngọc giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng. Anh Tuấn E cũng đồng ý toàn bộ yêu cầu này của chị H nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị H và anh Tuấn E thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị H và anh Tuấn E không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[8] Xét về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị H, cụ thể:

Về hôn nhân: Công nhận chị Lục Thị H và anh Trương Văn Tuấn E thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Tuấn E có hai con chung họ tên là Trương Minh Hiếu, sinh ngày 04/5/2015, đang sống chung với anh Tuấn E và Trương Bảo Ngọc, sinh ngày 28/8/2019, đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, cháu Hiếu giao cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi, ghi nhận anh Tuấn E không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con; Cháu Ngọc giao cho chị H trực tiếp nuôi, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh Tuấn E thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh Tuấn E thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí: Chị H có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003870 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân